**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TPHCM, ngày 24 tháng 12 năm 2018*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số: Nghiên cứu xây dựng cơ chế kết hợp giữa bảo tồn cảnh quan - đa dạng sinh học và không gian văn hóa tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang. Mã số:ĐTĐL.XH.11/15

Thuộc: Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cáp quốc gia.

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Mục tiêu chung của đề tài là đề xuất được cơ chế kết hợp hài hòa giữa bảo tồn Cảnh quan- Đa dạng sinh học (CQ – ĐDSH) và không gian văn hóa (KGVH) của Khu DTSQ Lang Biang phục vụ phát triển bền vững.

Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

* Xác định được những đặc trưng, giá trị, thực trạng bảo tồn Cảnh quan- Đa dạng sinh học (CQ – ĐDSH) và không gian văn hóa (KGVH) tại KDTSQ Lang Biang;
* Xác định những bất cập của các cơ chế kết hợp bảo tồn CQ – ĐDSH và KGVH tại KDTSQ Lang Biang;
* Xây dựng cơ chế kết hợp bảo tồn CQ – ĐDSH và KGVH.
* Đề xuất được một số giải pháp về cơ chế kết hợp và thử nghiệm cơ chế này.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Vũ Ngọc Long.

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Sinh thái học Miền Nam

5. Tổng kinh phí thực hiện: 5.940 triệu đồng

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước: 5.940 triệu đồng

* Kinh phí khoán: 4.810 triệu đồng
* Kinh phí không khoán: 1.130 triệu đồng

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 12/2015

Kết thúc: 11/2018

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*:

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

| SốTT | Họ và tên(ghi rõ chức danh khoa học, học vị) | ***Đơn vị công tác*** |
| --- | --- | --- |
| 1 | TS. Vũ Ngọc Long | Viện Sinh thái học Miền Nam |
| 2 | TS. Lê Bửu Thạch | Viện Sinh thái học Miền Nam |
| 3 | TS. Lưu Hồng Trường | Viện Sinh thái học Miền Nam |
| 4 | TS. Trần Anh Đào | Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên- Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh |
| 5 | PGS. TS. Huỳnh Ngọc Thu | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn- Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh |
| 6 | ThS. Lê Thị Thu Hà | Viện Sinh thái học Miền Nam |
| 7 | ThS. Lê Văn Sơn | Vườn Quốc Gia BiDoup Núi Bà |
| 8 | ThS. Lương Văn Dũng | Trường Đại học Đà Lạt |
| 9 | ThS. Đoàn Thị Ngọ | Bảo tàng Lâm Đồng |
| 10 | ThS. Phạm Thanh Thôi | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn- Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh |

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | | | **Khối lượng** | | | **Chất lượng** | | |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
|  | **Dạng II** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Báo cáo đánh giá những đặc trưng và thực trạng bảo tồn cảnh quan – đa dạng sinh học của Khu DTSQ Lang Biang**.** |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 2 | Báo cáo về những đặc trưng không gian văn hoá của các tộc người và thực trạng trong mối quan hệ của không gian văn hóa và bảo tồn đa dạng sinh học ở khu DTSQ Lang Biang. |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 3 | Báo cáo về hiện trạng và bất cập của việc kết hợp giữa bảo tồn cảnh quan đa dạng sinh học và không gian văn hóa tại khu dự trữ sinh quyển Lang Biang |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 4 | Báo cáo thử nghiệm áp dụng cơ chế và đánh giá hiệu quả cho khu dự trữ sinh quyển Lang Biang. |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 5 | Báo cáo kiến nghị cơ chế kết hợp giữa bảo tồn cảnh quan đa dạng sinh học và không gian văn hóa |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 6 | Báo cáo tổng hợp đề tài. |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | **Dạng III** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Bài báo trong nước |  |  | x |  |  | x |  | x |  |
| 2 | Bài báo quốc tế | x |  |  | x |  |  | x |  |  |
| 3 | Sổ tay hướng dẫn về thực hiện cơ chế kết hợp giữa bảo tồn cảnh quan đa dạng sinh học và bảo tồn không gian văn hóa. |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | **Đào tạo** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Thạc sĩ |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 2 | **Tiến sĩ** | x |  |  | x |  |  | x |  |  |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Báo cáo kiến nghị cơ chế kết hợp giữa bảo tồn cảnh quan đa dạng sinh học và không gian văn hóa | Tháng 2/2019 | BQL Khu DTSQ Lang Biang | Sau khi chỉnh sửa theo ý kiến HĐNT cấp nhà nước |
| 2 | Sổ tay hướng dẫn về thực hiện cơ chế kết hợp giữa bảo tồn cảnh quan đa dạng sinh học và bảo tồn không gian văn hóa. | Tháng 2/2019 | BQL Khu DTSQ Lang Biang | Sau khi chỉnh sửa theo ý kiến HĐNT cấp nhà nước |
| 3 | Báo cáo thử nghiệm áp dụng cơ chế và đánh giá hiệu quả cho khu dự trữ sinh quyển Lang Biang. | Tháng 2/2019 | BQL Khu DTSQ Lang Biang | Sau khi chỉnh sửa theo ý kiến HĐNT cấp nhà nước |

1.3.Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng *(nếu có)*:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian ứng dụng** | **Tên cơ quan ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Lần đầu tiên cảnh quan-đa dạng sinh học và không gian văn hóa được nghiên cứu tại các vùng chức năng của Khu DTSQ Lang Biang, sau khi được công nhận vào tháng 6/2015. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định tính đa dạng và đặc trưng cảnh quan- ĐDSH của Khu DTSQ Lang Biang. Về văn hóa, đề tài nêu bật những đặc trưng về không gian văn hóa truyền thống, cùng với nhiều loại hình văn hóa mới xuất hiện, đó là văn hóa đa dạng tộc người, với nhiều loại hình đan xen.

Điểm nổi bật của đề tài là lần đầu tiên áp dụng cách tiếp cận cảnh quan tổng hợp để nghiên cứu cảnh quan- đa dạng sinh học, xác định những đặc trưng và lập bản đồ phân vùng cảnh quan-đa dạng sinh học của Khu DTSQ Lang Biang. Khu DTSQ được phân chia thành 7 tiểu vùng CQ-ĐDSH, với 3 dạng chính là: Cảnh quan tự nhiên và phụ tự nhiên; Cảnh quan bán tự nhiên; và cảnh quan văn hóa. Đây là cơ sở khoa học để quản lý Khu DTSQ theo hướng quy hoạch cảnh quan, bảo tồn và phát triển Khu DTSQ phù hợp với đặc trưng về điều kiện tự nhiên và văn hóa.

Dựa trên lý luận và thực tiễn, đã xây dựng cơ chế kết hợp hài hòa giữa bảo tồn cảnh quan- đa dạng sinh học và không gian văn hóa, gắn liền với phát triển kinh tế chất lượng, hướng đến phát triển bền vững của Khu DTSQ Lang Biang. Ngoài ra, cơ chế cũng có thể áp dụng một cách linh hoạt cho các Khu DTSQ khác của nước ta.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

Cơ chế kết hợp được kiến nghị, với 3 trụ cột chính là Phát triển kinh tế chất lượng, Bảo tồn CQ-ĐDSH và Bảo tồn KGVH. Khi cơ chế được thực hiện sẽ góp phần phát triển những sản phẩm/dịch vụ của Khu DTSQ Lang Biang, mang lại hiệu quả kinh tế to lớn, không những cải thiện sinh kế bền vững cho người dân, nhất là đồng bào bản địa sống phụ thuộc rừng, mà còn thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp, tổ chức trong chuỗi liên kết.

3.2. Hiệu quả xã hội

Cơ chế kết hợp giúp phát triển kinh tế thân thiện môi trường, bổ sung kinh phí cho bảo tồn đa dạng sinh học, không gian văn hóa, giúp cải thiện đời sống vật chất và văn hóa cộng đồng, đồng thời nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trườg, bảo tồn không gian văn hóa.

Đề tài đã thử nghiệm thành công mô hình kết hợp giữa bảo tồn cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị dược liệu cao (Đẳng sâm) với cải thiện sinh kế cộng đồng thông qua Cơ chế Chia sẻ lợi ích. Mô hình thử nghiệm canh tác và khai thác Lâm sản ngoài gỗ bền vững có thể được áp dụng rộng rãi cho các sản phẩm khác của cộng đồng bản địa trong Khu DTSQ Lang Biang như Rau rừng, cây thuốc, cây cảnh, cây nguyên liệu cho thủ công mỹ nghệ truyền thống như dệt, nhuộm, đan. Qua các mô hình này, người dân vừa tham gia tuần tra bảo vệ rừng, phát huy hiệu quả bảo tồn các loài động thực vật qua kinh nghiệm sống với rừng đồng thời góp phần quản lý việc lấn đất rừng làm nông nghiệp và giảm áp lực khai thác LSNG trong vùng lõi của Khu DTSQ Lang Biang.

**III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* |  |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* |  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* |  |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

*- Xuất sắc*

*- Đạt*

*- Không đạt*

Giải thích lý do:

Đề tài đã đạt được các yêu cầu về nội dung, số lượng và chất lượng theo như yêu cầu đặt hàng. Tuy nhiên, kết quả thực hiện của đề tài không tránh khỏi những thiếu sót và tồn tại.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.